

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

Căn cứ vào các điều 212, 213, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Châu Thị Lâm U, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số: 048188000305 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03 tháng 4 năm 2021.

Hộ khẩu thường trú: Số C, ấp B, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Chỗ ở hiện nay: khu phố T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Phạm Võ Thành N, sinh năm 1989;

Căn cước công dân số: 083089000737 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Nơi cư trú: Số C, ấp B, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Võ Thành N và bà Châu Thị Lâm U tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H,

Thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, Thành phố Đà Nẵng) vào ngày 10/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay. Ông N và bà U xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông N và bà U yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí: Ông N và bà U thống nhất tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của ông N và bà U là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Võ Thành N và bà Châu Thị Lâm U thuận tình ly hôn. Ông N và bà U không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

- Về con chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Phạm Võ Thành N và bà Châu Thị Lâm U tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0012794 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông N và bà U đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm My